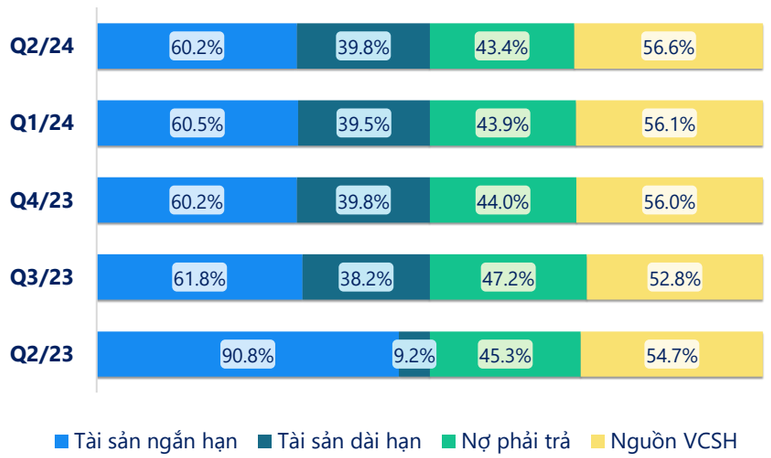
FireAnt

CTCP Địa ốc First Real (HSX: FIR)

Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	6,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	32,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,410
SL cổ phiếu LH	64,245,281
KLGD BQ 20 phiên (CP)	688,300
% sở hữu nước ngoài	1.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	443
P/E	95.6
EPS	72

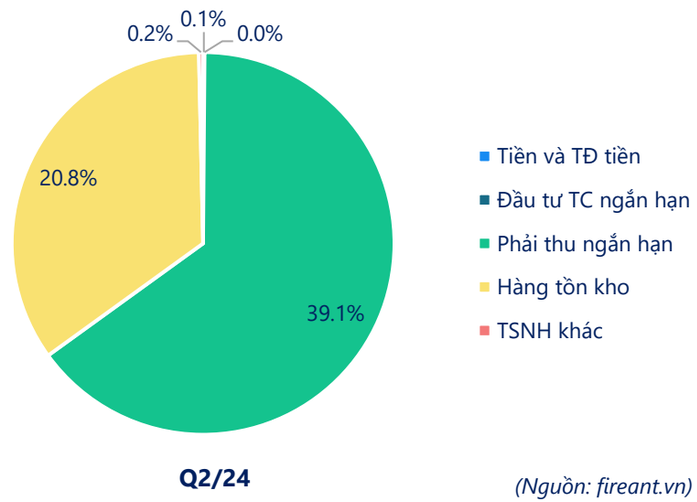
	YTD	1T	3T	6T
FIR	-62.7%	-8.6%	-24.6%	-65.5%
VNINDEX	10.0%	-2.7%	-3.0%	11.4%

Cơ cấu Tổng tài sản



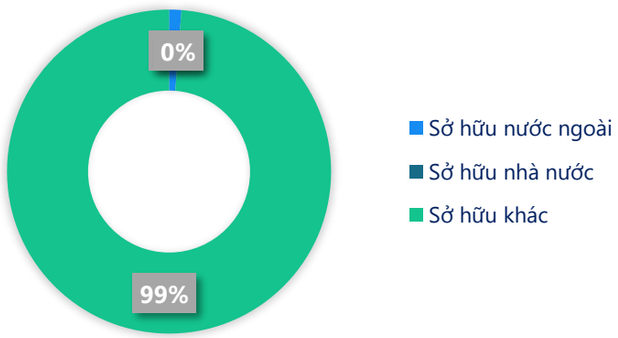
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



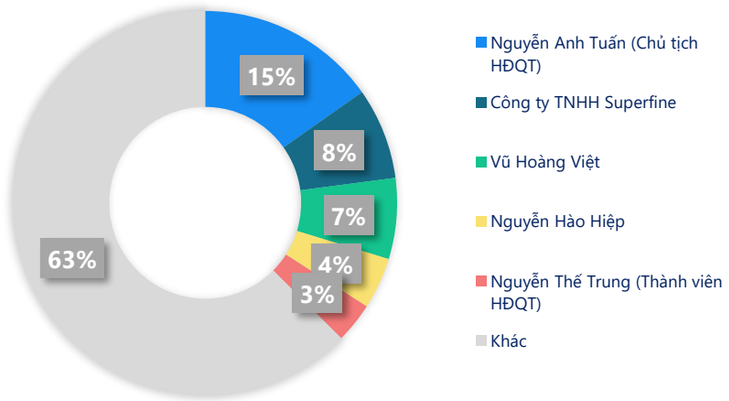
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



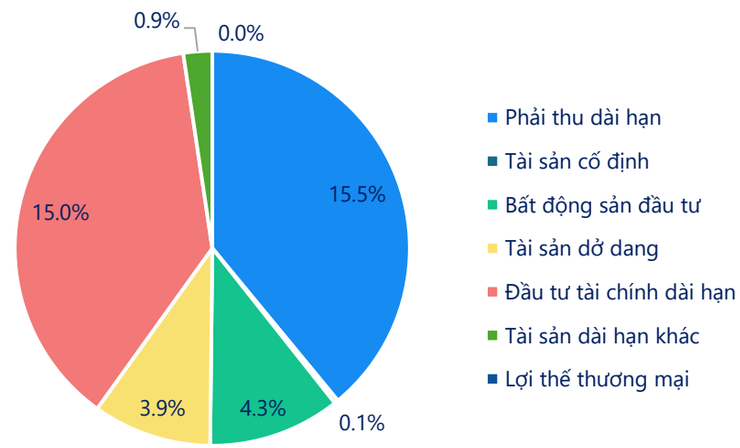
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

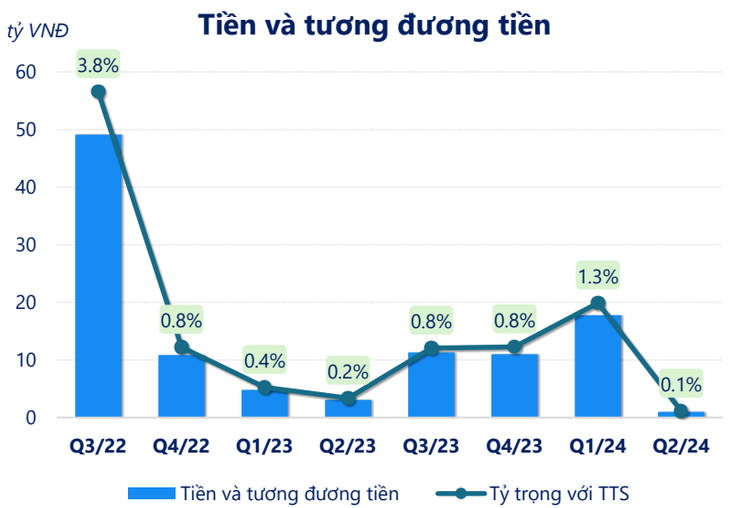


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

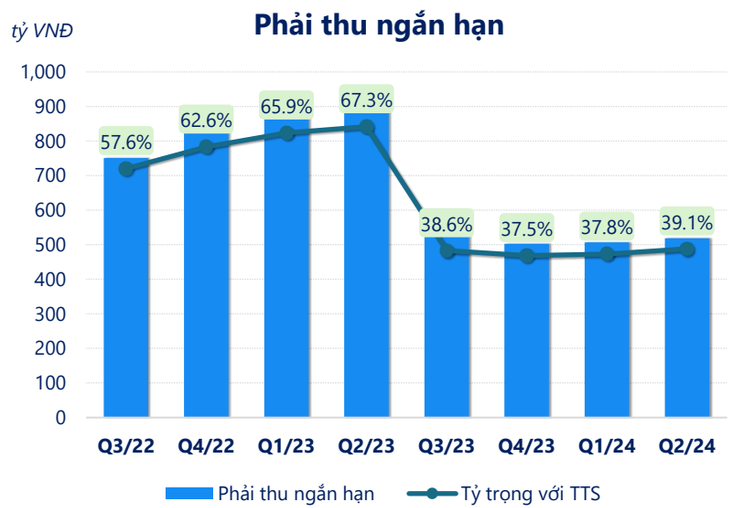
CTCP Địa ốc First Real (HSX: FIR)

Tiền và tương đương tiền



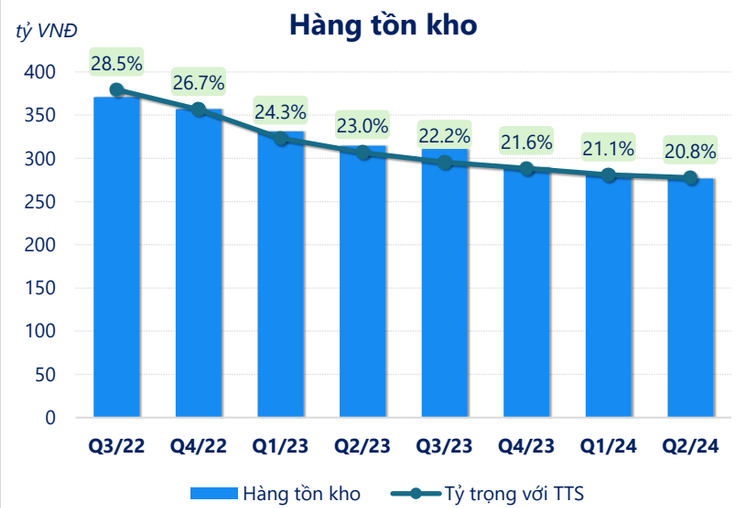
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



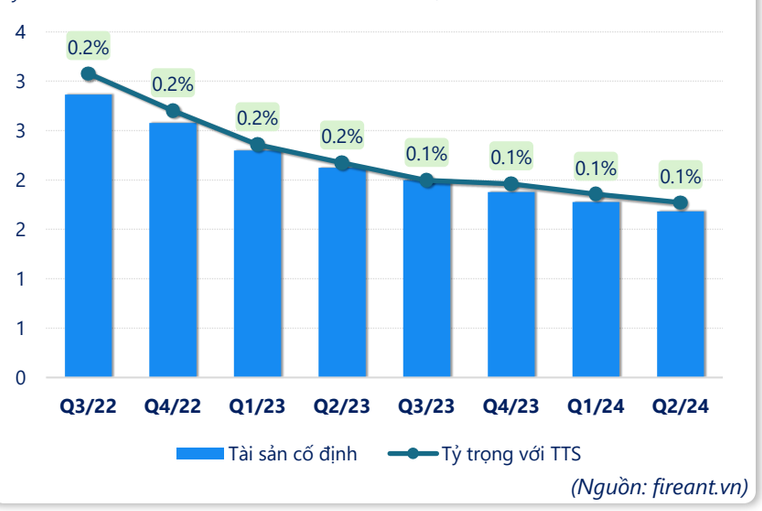
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



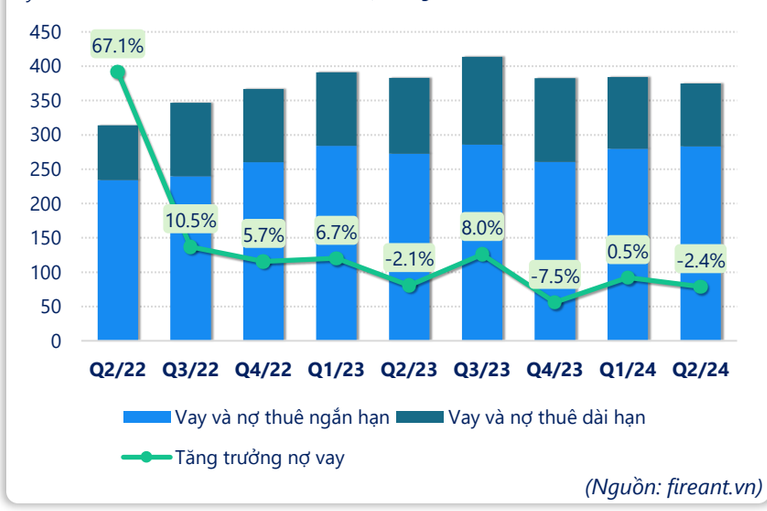
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



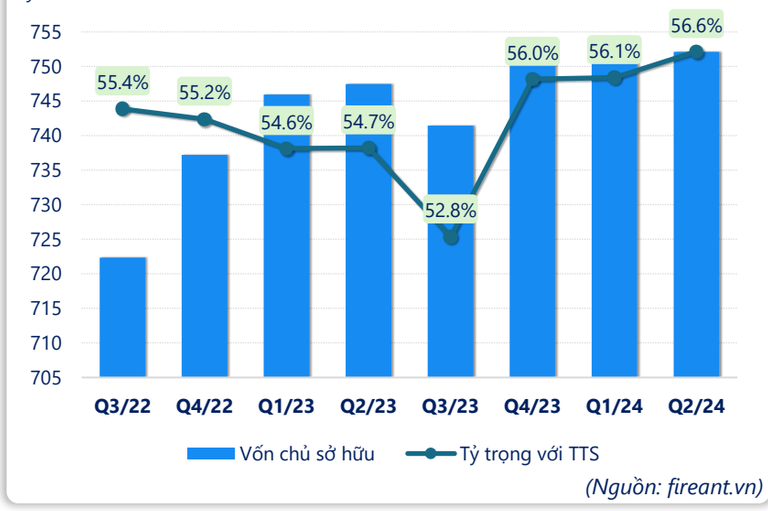
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

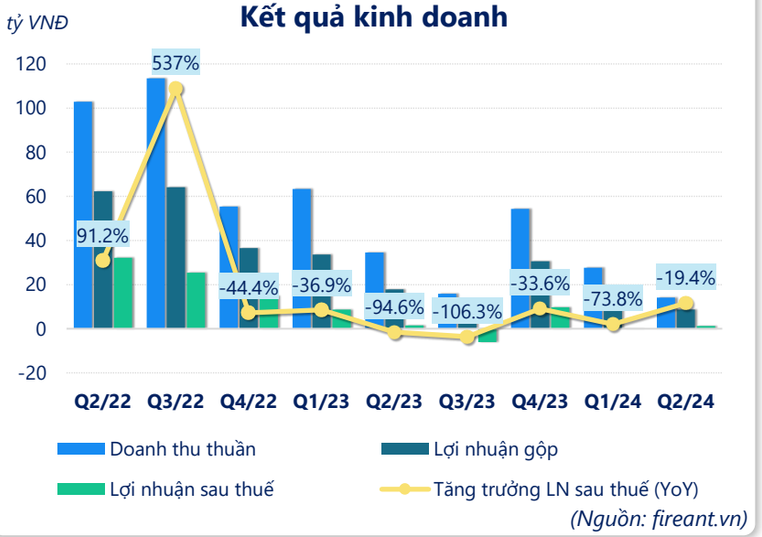
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

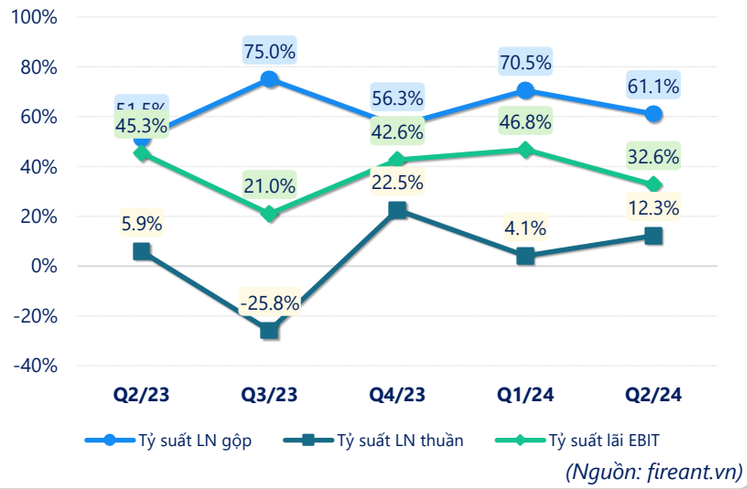
CTCP Địa ốc First Real (HSX: FIR)

Kết quả kinh doanh



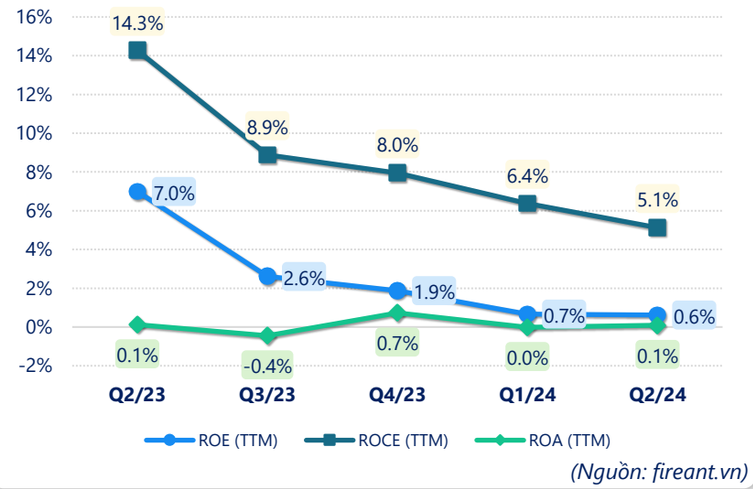
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



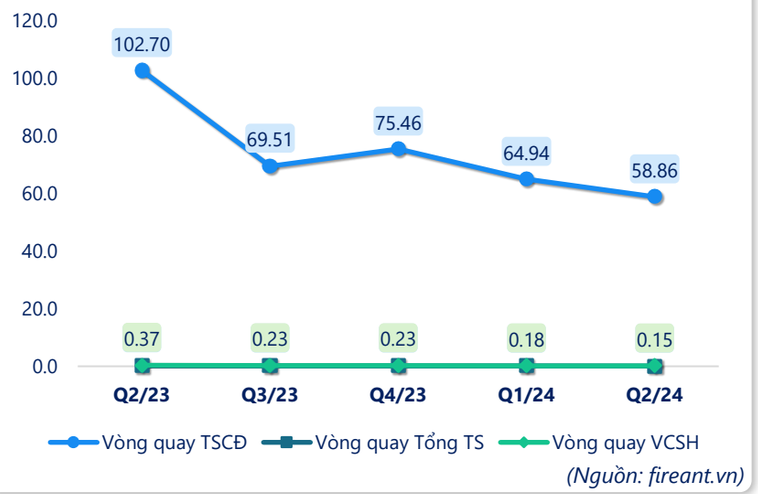
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



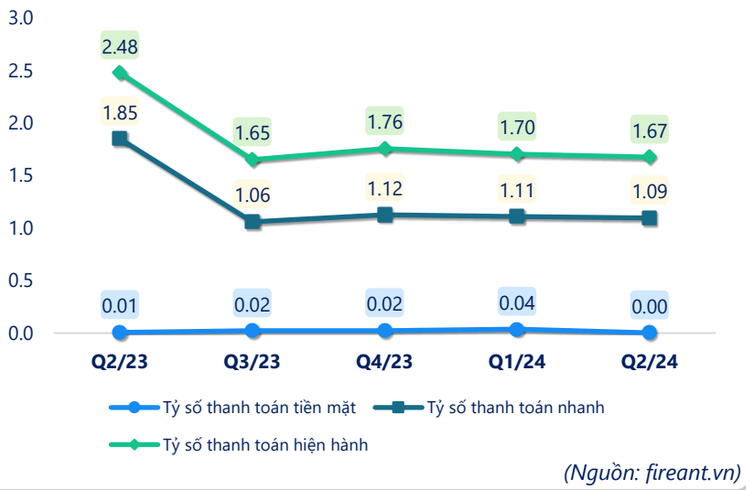
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



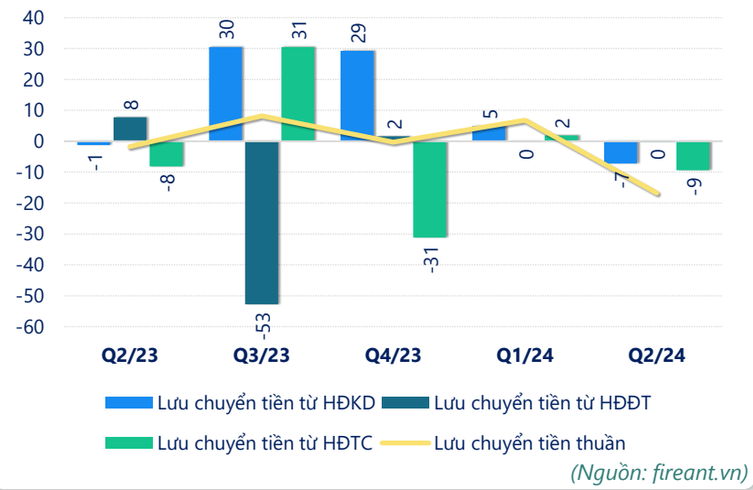
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Địa ốc First Real (HSX: FIR)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,329**	**1,340**	**-0.9%**
Tài sản ngắn hạn	799	806	-0.9%
Tiền và tương đương tiền	1.01	11.0	-90.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	519	503	3.2%
Hàng tồn kho	277	290	-4.5%
Tài sản ngắn hạn khác	2.82	2.90	-2.7%
Tài sản dài hạn	**529**	**534**	**-0.9%**
Phải thu dài hạn	207	210	-1.7%
Tài sản cố định	1.68	1.88	-10.5%
Bất động sản đầu tư	57.3	57.6	-0.5%
Tài sản dở dang	51.5	51.3	0.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	200	200	-0.3%
Tài sản dài hạn khác	**12.5**	**13.0**	**-3.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	577	589	-2.1%
Nợ ngắn hạn	**477**	**459**	**3.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	283	261	8.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	1.17	1.24	-5.7%
Nợ dài hạn	99.2	130	-23.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	91.6	122	-24.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**752**	**751**	**0.1%**
Vốn chủ sở hữu	**752**	**751**	**0.1%**
Vốn điều lệ	642	642	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Doanh thu thuần	34.5	15.9	54.3	27.6	14.1
Giá vốn hàng bán	16.7	3.96	23.8	8.15	5.50
Lợi nhuận gộp	17.8	11.9	30.6	19.5	8.64
Doanh thu HĐTC	4.42	3.67	0.00	0.02	0.00
Chi phí TC	13.6	14.0	10.7	12.0	3.06
Chi phí lãi vay	13.6	9.87	11.0	11.8	3.06
LN trong công ty LKLD	0	0	0	-0.50	0
Chi phí bán hàng	1.97	0.94	3.68	0.91	0.27
Chi phí QLDN	4.53	4.74	3.94	4.96	3.58
LN thuần từ HĐKD	2.05	-4.10	12.2	1.13	1.74
Lợi nhuận khác	-0.06	-2.43	-0.01	-0.07	-0.18
LN trước thuế	1.99	-6.53	12.2	1.06	1.56
Lợi nhuận sau thuế	1.56	-6.05	9.73	-0.25	1.21
LNST của CĐ cty mẹ	1.56	-6.05	9.73	-0.25	1.21

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1.25	30.5	29.3	4.91	-7.16
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	7.72	-52.8	1.58	0.00	-0.21
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-8.17	30.5	-31.2	1.87	-9.38
Tiền đầu kỳ	4.79	3.09	11.3	11.0	17.8
Lưu chuyển tiền thuần	**-1.70**	**8.20**	**-0.30**	**6.78**	**-16.8**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	3.09	11.3	11.0	17.8	1.01

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic